

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH,
THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019
đã được kiểm toán*

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Giám đốc	2 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	6 - 31
Bảng cân đối kế toán	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 31

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính, Thương mại Dịch vụ FICO (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính, Thương mại Dịch vụ FICO được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102290682 ngày 07 tháng 6 năm 2007 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là:

- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của động cơ khai thác than;
- Bán buôn thiết bị phục vụ trong công tác an ninh, quản lý phạm nhân;
- Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 436 đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Tiến Thắng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Cúc	Ủy viên

GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Tuấn Anh	Giám đốc
Bà Nguyễn Hương Huyền	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh Phía Bắc đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI
DỊCH VỤ FICO**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính, Thương mại Dịch vụ FICO, được lập ngày 28 tháng 3 năm 2020, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, số dư khoản cho bà Phạm Hải Yến vay ngắn hạn là **20.122.000.000** đồng. Đây là khoản cho vay kỳ hạn 03 tháng được điều chuyển công nợ tạm ứng phát sinh từ trước ngày 31 tháng 12 năm 2010 theo Biên bản làm việc giữa Công ty và bà Phạm Hải Yến ngày 28 tháng 02 năm 2017 (bà Phạm Hải Yến đã nghỉ việc từ ngày 01 tháng 4 năm 2016). Đến 31 tháng 12 năm 2018, khoản vay này đã quá hạn thanh toán. Công ty đã thực hiện trích dự phòng nợ phải thu khó đòi 70% giá trị cho vay tương ứng là **14.085.000.000** đồng. Đồng thời, khoản cho vay nêu trên cũng chưa được đối chiếu, xác nhận tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2019. Do vậy, chúng tôi không đánh giá được khả năng thu hồi của khoản cho vay nêu trên cũng như không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết khác có liên quan trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2019 của Công ty.
- Chúng tôi không được cung cấp kế hoạch chi tiết tạm ứng được phê duyệt, cũng như kế hoạch quyết toán của số dư tạm ứng cho cán bộ công nhân viên của Công ty đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 với số tiền là **18.315.185.743** đồng (số dư tạm ứng tại ngày 01 tháng 01 năm 2019 là **18.821.496.547** đồng). Đồng thời, chúng tôi không thu thập được bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp để khẳng định mục đích sử dụng khoản tạm ứng này dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Do vậy, chúng tôi không đưa ra được ý kiến về mục đích tạm ứng, không đánh giá được khả năng liệu có phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi của khoản tạm ứng nêu trên cũng như không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết khác có liên quan trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2019 của Công ty.

Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, số dư khoản phải thu khác của ông Nguyễn Văn Cúc là **4.288.800.000** đồng chưa được đối chiếu, xác nhận (số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2019 là **4.288.800.000** đồng). Đây là khoản tạm ứng để lo chi phí đầu tư, xây dựng hạ tầng kỹ thuật khung của lo SM12A thuộc dự án khu nghỉ dưỡng Thanh Dương – dự án của Công ty Cổ phần Khách sạn Phú Gia. Đến thời điểm hiện tại, chúng tôi chưa được cung cấp hồ sơ liên quan đến tiến độ thực hiện công việc triển khai dự án của ông Nguyễn Văn Cúc. Do vậy, chúng tôi không đánh giá được khả năng liệu có phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi của khoản tạm ứng nêu trên cũng như không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết khác có liên quan trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2019 của Công ty.
- Khoản công nợ phải trả người bán Công ty Yunan machinery IMP&EXP Company tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, số tiền là **23.520.428.363 đồng** và công nợ phải trả ngắn hạn khác liên quan đến dự án Ao Sào, số tiền là **800.000.000 đồng** chưa được đối chiếu xác nhận với các đối tượng có liên quan. Các thủ tục kiểm toán bổ sung cũng không cho phép chúng tôi kiểm tra được tính đúng đắn của số dư các khoản công nợ nêu trên. Do vậy, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh cần thiết đối với số dư các khoản công nợ này tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như các yếu tố liên quan của Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Từ chối đưa ra ý kiến kiểm toán

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính đính kèm.

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2020

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán
và Kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh Phía Bắc**

Phó Giám đốc



Trần Thị Linh

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2949-2019-152-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Nguyên Nhung

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3360-2020-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		49.997.164.601	54.669.591.420
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.593.349.229	2.584.640.902
1.	Tiền	111	V.01	2.593.349.229	2.584.640.902
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		40.937.542.008	45.372.574.512
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	2.041.431.500	5.209.823.500
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	6.419.078.930	2.505.408.630
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.06	20.122.000.000	20.122.000.000
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	26.440.031.578	27.946.342.382
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(14.085.000.000)	(10.411.000.000)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140		-	-
1.	Hàng tồn kho	141		-	-
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		6.466.273.364	6.712.376.006
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	128.489.015	422.818.182
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.337.784.349	6.289.557.824
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO
 Số 436 đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		19.633.945.382	19.731.991.278
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		226.508.900	38.000.000
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.05	226.508.900	38.000.000
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		1.132.366.555	1.418.921.351
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	1.132.366.555	1.418.921.351
	- Nguyên giá	222		2.287.325.510	2.287.325.510
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.154.958.955)	(868.404.159)
III.	Bất động sản đầu tư	230	V.09	7.070.579.927	7.070.579.927
	- Nguyên giá	231		7.070.579.927	7.070.579.927
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	11.204.490.000	11.204.490.000
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		11.204.490.000	11.204.490.000
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		69.631.109.983	74.401.582.698

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO

Số 436 đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		40.217.313.177	36.421.033.316
I.	Nợ ngắn hạn	310		40.187.013.177	36.039.133.316
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	26.684.639.453	26.451.560.063
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	5.151.059.000	2.266.625.000
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	55.149.759	343.476.882
4.	Phải trả người lao động	314		-	-
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	5.714.134.007	5.295.440.413
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	2.451.600.000	1.551.600.000
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		130.430.958	130.430.958
II.	Nợ dài hạn	330		30.300.000	381.900.000
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	30.300.000	381.900.000
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		29.413.796.806	37.980.549.382
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.16	29.413.796.806	37.980.549.382
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		55.120.000.000	55.120.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		55.120.000.000	55.120.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		4.103.472.704	4.103.472.704
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(29.809.675.898)	(21.242.923.322)
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		(21.242.923.322)	(12.226.041.392)
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(8.566.752.576)	(9.016.881.930)
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		69.631.109.983	74.401.582.698

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu



Nguyễn Thị Ngọc Ly

Kế toán trưởng



Nguyễn Hương Huyền

Giám đốc



Nguyễn Tuấn Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2019

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	15.208.178.637	22.122.921.821
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		15.208.178.637	22.122.921.821
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	14.146.195.471	21.395.797.908
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.061.983.166	727.123.913
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	2.431.169	94.955.132
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	332.345.518	142.072.582
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>294.096.093</i>	<i>142.072.582</i>
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.06	208.756.409	13.050.000
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	9.086.468.971	9.684.480.766
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(8.563.156.563)	(9.017.524.303)
11.	Thu nhập khác	31		-	925.735
12.	Chi phí khác	32	VI.05	3.596.013	283.362
13.	Lợi nhuận khác	40		(3.596.013)	642.373
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(8.566.752.576)	(9.016.881.930)
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(8.566.752.576)	(9.016.881.930)
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.07	(1.554)	(1.636)
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.08	(1.554)	(1.636)

Người lập biểu



Nguyễn Thị Ngọc Ly

Kế toán trưởng



Nguyễn Hương Huyền

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2020

Giám đốc



Nguyễn Tuấn Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		(8.566.752.576)	(9.016.881.930)
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		286.554.796	288.958.332
-	Các khoản dự phòng	03		3.674.000.000	4.374.400.000
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.431.169)	(92.775.132)
-	Chi phí lãi vay	06		294.096.093	142.072.582
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		(4.314.532.856)	(4.304.226.148)
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		524.297.079	15.981.275.436
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	1.370.900.000
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		3.247.879.861	(6.148.727.126)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		294.329.167	23.052.391
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(294.096.093)	(142.072.582)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(542.122.842)	6.780.201.971
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
-	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-	-
-	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
-	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
-	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
-	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(11.204.490.000)
-	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
-	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.431.169	92.775.132
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		2.431.169	(11.111.714.868)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FICO
 Số 436 đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		6.787.517.943	3.228.400.000
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(6.239.117.943)	(2.380.000.000)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		548.400.000	848.400.000
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		8.708.327	(3.483.112.897)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		2.584.640.902	6.067.753.799
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		2.593.349.229	2.584.640.902

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Thị Ngọc Ly

Nguyễn Hương Huyền

Nguyễn Tuấn Anh